

BÀI 6: TÌNH YÊU TỔ QUỐC

(Thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt đường luật)

Tiết theo PPCT:73

TRI THỨC NGŨ VĂN

1- **Thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường** là các thể thơ làm theo những nguyên tắc thi luật chặt chẽ được đặt ra từ thời Đường. Thơ thất ngôn bát cú : Mỗi bài có tám câu, mỗi câu có bảy chữ. Thơ thất ngôn tứ tuyệt: mỗi bài có bốn câu, mỗi câu có bảy chữ.

- Bố cục của một bài thơ (có 2 cách chia) thơ *thất ngôn bát cú luật Đường* thường được chia 4 phần: Đề, Thực, Luận, Kết. (hoặc 4 câu đầu, 4 câu cuối). Bố cục trong bài thơ *tứ tuyệt luật Đường*(có 2 cách chia) thường được chia bốn phần: Khai, thừa, chuyển, hợp. (hoặc 2 câu đầu, 2 câu cuối)

- Luật bằng trắc của thơ thất ngôn bát cú hoặc thơ thất ngôn tứ tuyệt thường được tóm tắt bằng câu: “ *Nhất -tam ngũ bất luận, nhị- tứ -lục phân minh.*”. Dựa vào tiếng thứ 2 của câu 1, nếu là thanh bằng (thanh ngang, thanh huyền) thì là làm bằng luật Bằng; nếu là thanh trắc (thanh sắc, hỏi, ngã, nặng) thì làm bằng luật Trắc

- Niêm: Sự kết dính về âm luật của hai câu thơ trong bài thơ luật Đường gọi là niêm. Hai câu cùng luật ở thơ thất ngôn bát cú luật Đường 1-8; 2-3; 4-5, 6-7. Thơ *tứ tuyệt luật Đường* câu 1-4, 2-3 niêm với nhau.

-Vần: Cách gieo vần của thơ luật Đường cả bài chỉ hiệp theo một vần, vần gieo ở cuối câu thơ đầu và cuối các câu thơ chẵn, vần được sử dụng là vần bằng.

- Nhịp: cách ngắt nhịp của câu thơ thất ngôn thường là 2/2/3 hoặc 4/3.

- Đối: cách đặt câu sòng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau. Câu 3-4, câu 5-6.

Tiết theo PPCT:74

VĂN BẢN 1: NAM QUỐC SƠN HÀ

I. Chuẩn bị đọc

Trận Như Nguyệt là một trận đánh lớn diễn ra ở một khúc sông Như Nguyệt (hay sông Cầu) vào năm 1077, là trận đánh có tính quyết định của cuộc Chiến tranh Tống-Việt, 1075-1077, và là trận đánh cuối cùng của nhà Tống trên đất Đại Việt. Trận chiến diễn ra trong nhiều tháng, kết thúc bằng chiến thắng của quân đội Đại Việt và thiệt hại nhân mạng lớn của quân Tống, đánh bại hoàn toàn ý chí xâm lược Đại Việt của họ, buộc họ phải thừa nhận Đại Việt là một quốc gia.

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Đọc: - Giọng điệu hào hùng, khí thế

2. Tìm hiểu chung

a. Tác giả

- Bài thơ hiện chưa rõ tác giả. Nhiều tài liệu cho rằng của Lý Thường Kiệt
- Theo sách Đại Việt sử kí toàn thư, khi Lý Thường Kiệt chặn đánh quân Tống bên sông Như Nguyệt năm 1076, bài thơ đã vang lên trong đền thờ thần Sông là Trương tướng quân. Sau đó quân Tống thảm bại đúng như trong lời bài thơ.

b. Tác phẩm

- Bài thơ vốn không có nhan đề. Tên gọi Nam quốc sơn hà do người biên soạn đặt.
- Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt (4 câu, mỗi câu 7 chữ)
- Phương thức biểu đạt: biểu cảm

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Tìm hiểu về thi luật của bài thơ (bố cục, luật, niêm, vần, nhịp, đối)

a. Bố cục bài thơ: bài thơ gồm 4 câu, mỗi câu 7 chữ

- Cách 1: Có thể chia thành 4 phần:

+ Khai (câu 1): Giới thiệu vấn đề chủ quyền với giọng điệu cương quyết.

+ Thừa (câu 2): Bổ sung ý đã nhắc đến ở câu 1 và giữ mạch cảm xúc.

+ Chuyển (câu 3): Chuyển sang vấn đề xâm lược lãnh thổ của quân giặc.

+ Hợp (câu 4): Khẳng định kết cục không tốt đẹp của quân giặc khi xâm lược lãnh thổ của nước Nam.

- Cách 2: Chia thành hai phần.

+ Câu 1,2: Giới thiệu vấn đề chủ quyền và khẳng định chủ quyền đất nước.

+ Câu 3,4: Cảnh cáo quân xâm lược và khẳng định kết cục không tốt đẹp của chúng.

b. Luật: bài thơ làm theo luật trắc vì tiếng thứ 2 câu 1 “ quốc” (nước) làm bằng luật trắc.

c. Niêm: chữ thứ hai trong câu 1 là “trắc” niêm với chữ thứ hai của câu 4 cũng là “ trắc”, chữ thứ hai của câu 2 là “bằng” niêm với chữ thứ hai của câu 3 cũng là “bằng”.

d. Vận: chỉ hiệp theo một vần ở cuối các câu 1, 2 và 4 (cư, thư, hư).

đ. Đối: Thơ tứ tuyệt không có quy định đối cụ thể và khất khe như thơ thất ngôn bát cú.

g. Nhịp: 2/2/3

→ Bài thơ tuân thủ quy định về luật, niêm, đối, vận của một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt luật trắc, vần bằng theo luật Đường.

2. Chủ đề và cảm hứng chủ đạo của bài thơ:

- **Chủ đề:** Khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược.

- **Cảm hứng chủ đạo của bài thơ:** là tình cảm yêu nước mãnh liệt lòng tự tôn dân tộc sâu sắc và ý thức về chủ quyền của dân tộc.

3. Tìm hiểu hiểu nét độc đáo của bài thơ

a. Hai câu thơ đầu

- Hai câu đầu giới thiệu vấn đề chủ quyền và khẳng định tính tất yếu không thể thay đổi của chủ quyền đất nước.

+ Tác giả dùng từ “*Nam quốc*”, “*Nam đế*” để khẳng định sự chính danh của quốc gia, của bậc đế vương có chủ quyền trên lãnh thổ của mình cũng như nhấn mạnh vị thế dân tộc và sự ngang hàng của vua nước Nam với vua phương Bắc.

+ Việc nói đến “*thiên thư*” sách trời trong câu thơ thứ hai cho thấy tính pháp lý của chủ quyền: chủ quyền đã được ghi rõ quy định rõ bằng văn bản của nhà trời, không phải chuyện người thường muốn thay đổi được và cũng không thể thay đổi được bằng hành vi xâm lược.

- Ngắt nhịp: Câu đầu có thể ngắt nhịp 4/3 hoặc 2/2/3. Cách ngắt nhịp trong câu theo nhịp 4/3: *Nam quốc sơn hà / Nam đế cư* hoặc *Nam quốc / sơn hà / Nam đế cư* tỏ rõ hai vấn đề quan trọng nhất là sông núi nước Nam và vua nước Nam đi liền với nhau ngay trong câu mở đầu của bài thơ. Đây là cách ngắt nhịp tiêu biểu của thơ thất ngôn tứ tuyệt luật đường tạo âm điệu chậm rãi, trang nghiêm.

→ Hai câu thơ tạo nên sự hô ứng và đều hướng tới khẳng định chủ quyền (quyền cai quản, điều hành) trên phần lãnh thổ của đất nước .

b. Hai câu sau

- “nghịch lỗ lai xâm phạm” (kẻ thù lại dám đến xâm phạm): hành vi xâm lược trái mệnh trời

- “Nư hà”: cách nói phản vấn, đặt câu hỏi đã chỉ rõ sự phi lí, phi nghĩa của giặc ngoại bang,

- Cách gọi quân giặc là “nhữ đặng” (bọn chúng bay, chúng mày,...): bộc lộ thái độ khinh khi, căm thù không đội trời chung, phân biệt rạch ròi giữa hai chiến tuyến ta và kẻ xâm lược.

→ Tô cáo dã tâm của giặc đồng thời gián tiếp khẳng định thế đứng và tính chất chính nghĩa của vua tôi nước Nam trong cuộc chiến đấu chống kẻ xâm lược.

+ “thủ bại hư” (nhận lấy sự thất bại tan tành) : Một kết cuộc tất yếu sẽ đến, sẽ xảy ra. Kẻ nuôi tham vọng xâm lược sẽ phải trả giá, gieo gió phải gặt bão, phải chấp nhận chuốc lấy bại vong...

→ Câu kết của bài thơ vang lên như một lời cảnh báo, lời hiệu triệu, lời tiên tri khẳng định quân ta nhất định thắng quân giặc nhất định thua.

→ Khẳng định tinh thần quyết tâm bảo vệ chủ quyền trước quân xâm lược.

4. Ý nghĩa của bài thơ.

Nam quốc sơn hà thường được xem là một “bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc” bằng thơ trong văn học Việt Nam và còn được gọi là bài thơ “Thần”: vừa khẳng định chủ quyền về cương vực địa lí, lãnh thổ, vừa thể hiện ý chí bảo vệ toàn vẹn nền độc lập, tự chủ và quyết đánh tan mọi kẻ thù xâm lược.

+ Bên cạnh đó trong cuộc chiến chống lại quân Tống lần thứ hai (1075-1077), tại Đền Xà (thôn Đoài, Tam Giang, Yên Phong), Lý Thường Kiệt đã sai người tâm phúc đọc vang bài thơ để khích lệ tinh thần quân sĩ Đại Việt. Từ đó quân dân hào hùng, sục sôi, chí khí ngút trời, quân giặc hoảng sợ nên được gọi là bài thơ “thần”.

Tiết theo PPCT:75 VĂN BẢN 2: QUA ĐÈO NGANG **(Bà Huyện Thanh Quan)**

I. Chuẩn bị đọc

- Đèo Ngang tọa lạc trên dãy núi Hoành Sơn, là ranh giới giữa hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình.
- Đèo Ngang có chiều dài hơn 6km, cao 250m so với mực nước biển, cung đường đèo quanh co, hiểm trở khá khó di chuyển.
- Đèo Ngang trong lịch sử Việt Nam đã chứng kiến rất nhiều sự kiện quan trọng: nơi đây đã diễn ra nhiều cuộc giao tranh giữa Đại Việt và Chăm Pa.
- Trong thời kỳ Trịnh - Nguyễn, Đèo Ngang chính là chốt án ngữ quan trọng của quân địch trong thời điểm phân tranh Đàng Ngoài - Đàng Trong.
- Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ oanh liệt, Đèo Ngang là nơi trọng điểm, chứng kiến sự đấu tranh anh dũng của quân đội ta trong công cuộc gìn giữ con đường huyết mạch.

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Đọc